

# Cái làng Việt Nam với những biến đổi xã hội của nông thôn đồng bằng sông Hồng

Tương Lai  
Viện Xã hội học

## I. Về vùng đồng bằng sông Hồng

Khi kinh tế gia đình và kinh tế nông thôn chưa vượt quá giới hạn tự nhiên của nó thì nó chưa thể bị phá vỡ để trở thành cái khác hẳn với chính nó. Chúng ta cứ phải chờ những biến đổi kinh tế tương lai trước khi xác định rằng nông thôn đã trở thành một cơ cấu xã hội bị phân hóa hay chưa. Liệu đồng bằng sông Hồng với những làng quê cổ truyền của nó làm thành những đơn vị cơ bản đã là một cơ cấu xã hội bị phân hóa hay chưa? Đó chính là vấn đề đặt ra trong bài viết này.

1. Khái niệm **đồng bằng châu thổ sông Hồng** thường gây một sự hiểu lầm ngay từ đầu bởi vì người ta dễ coi nó là sản phẩm bồi tụ của hệ thống sông Hồng mà thôi, trong khi vai trò của hệ thống sông Thái Bình cũng rất quan trọng. Lẽ ra người ta phải nói đồng bằng châu thổ của hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình mới đúng, tuy rằng để cho giản tiện và theo thói quen, người ta chỉ lấy tên của hệ thống sông chính (sông Hồng) để đặt tên cho thành tạo này mà thôi. Chúng tôi chú ý đến ý kiến ấy của nhà khoa học địa lý hàng đầu của Việt Nam - giáo sư Lê Bá Thảo. Chú ý đến ý kiến ấy cũng là chú ý đến lịch sử chinh phục đồng bằng châu thổ sông Hồng đã kiến tạo nên ở đây "nền văn minh sông Hồng". Trong nền văn minh ấy, **tổ chức không gian** và **tổ chức xã hội** của vùng châu thổ này là để phục vụ cho nền sản xuất nông nghiệp. Trải bao biến động, cả hai tổ chức này thay đổi theo thời gian, nhưng cái cơ bản thì gần như giữ nguyên trạng: **làng xã là đơn vị cơ bản** với nhiều chức năng, song chức năng hàng đầu vẫn là chức năng nông nghiệp, hoặc chí ít cũng bắt đầu bằng nông nghiệp rồi sau đó mới chuyển dần sang "làng nghề" tiểu thủ công nghiệp hoặc những "làng buôn" hiếm hoi mà chức năng thương nghiệp có vai trò quan trọng. Chính từ cái tổ chức xã hội với làng là đơn vị cơ bản này mà tìm hiểu những biến đổi xã hội của đồng bằng sông Hồng trong thời gian qua, chủ yếu là trong hơn một thập kỷ của tiến trình Đổi Mới.

2. Song trước khi đi vào tổ chức xã hội, cũng cần điểm qua vài nét về **tổ chức không gian** của đồng bằng sông Hồng.

Cách đây vài nghìn năm, người Việt cổ đã từ vùng đất cao ven châu thổ ở khu vực Phong Châu, Mê Linh tiến xuống khai phá đồng bằng, men theo hai triền sông Hồng và sông Thái Bình được bồi tụ theo chiều ngang thông qua dòng chảy chính và các chít lưu, cũng hai dòng sông ấy đã vận chuyển khối phù sa khổng lồ ra các cửa sông. Phần

lãnh thổ tiến ra biển luôn kết thúc bằng một đường bờ, thay đổi dần các vị trí trong không gian.

Bằng cách đắp đê phòng chống lũ lụt, con người đã ngăn cản sự tiếp tục bồi tụ phù sa theo chiều cao và theo chiều ngang của đồng bằng tạo ra cái điều mà P.Gourou đã nói một cách hình tượng "**châu thổ sông Hồng chết trong tuổi thanh xuân của nó**". Và chính "**cái chết**" đó đã tạo nên sự sống cho cư dân đồng bằng châu thổ với trên một triệu sáu trăm ngàn hecta (1,6 triệu ha). Từ thế hệ này sang thế hệ khác, cư dân đồng bằng sông Hồng biết sống hài hòa với tự nhiên và sử dụng nó theo hướng có lợi cho mình.

Hệ thống đê sông, đê biển do con người tạo nên cùng với mạng lưới chằng chịt của các công trình thủy lợi tưới, tiêu nước được hình thành bằng sức mạnh và ý chí của người nông dân đồng bằng sông Hồng này đã tạo ra "yếu tố tự nhiên" của cảnh quan vùng lãnh thổ quý báu này của đất nước. Chỉ có điều, do dân số tăng, không gian nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng bị băm vụn ra, manh mún! Người ta tính ra được rằng, trung bình mỗi hecta có khoảng 14 mảnh, mỗi mảnh chỉ có 0,068 ha!

Sự phân chia không gian sản xuất nông nghiệp cho cư dân vùng châu thổ này trong một thời gian dài không nhiều xáo trộn với đất công và đất tư. Từ sau 1954, quá trình hợp tác hóa đã cố gắng xóa đi sự manh mún của các thửa ruộng bằng những đơn vị hình bàn cờ có diện tích đủ cho máy móc nông nghiệp hoạt động. Các bờ vùng, bờ thửa được mở rộng cho xe cơ giới có thể đi lại. Một tổ chức không gian nông nghiệp như vậy là một tiến bộ, chỉ có điều, phương thức quản lý và trình độ tổ chức, năng lực cán bộ không theo kịp với quy mô mở rộng của không gian nông nghiệp ấy nên rút cục là phải quay trở lại cái manh mún ruộng đất của các hộ tiểu nông! "**Vấn đề lại có vẻ được đặt ra như lúc mới bắt đầu** và chắc chắn người ta phải giải quyết bằng một phương thức khác... **Tổ chức không gian của đồng bằng sông Hồng đã trải qua nhiều cuộc đổi thay nhưng hình như nó đang quay trở về điểm xuất phát. Nhu cầu của một cuộc cải tổ tự nguyện**"<sup>1</sup>.

3. Nói đến tổ chức không gian, rút cục lại, cũng là để nói đến con người, nói đến tổ chức xã hội của cư dân đồng bằng sông Hồng. Mà nói đến tổ chức xã hội, thì trước hết, phải nói về cái làng của người nông dân. Bởi lẽ, "**làng là tế bào sống của xã hội Việt Nam. Xã hội Việt là sản phẩm tự nhiên tiết ra từ quá trình định cư và cộng cư của người Việt trong trọt. Hiểu được làng Việt là có trong tay cơ sở tối thiểu và cần thiết để tiến lên tìm hiểu xã hội Việt nói riêng và xã hội Việt Nam nói chung; trong sức năng động lịch sử của nó, trong ứng xử cộng đồng và tâm lý tập thể của nó, trong các biểu hiện văn hóa của nó, cả trong những phản ứng của nó trước những hình thái mà lịch sử đương đại đặt vào nó**"<sup>2</sup>.

Tìm hiểu những **biến đổi xã hội** của đồng bằng sông Hồng cũng chính là tìm hiểu "**những phản ứng của nó trước những hình thái mà lịch sử đương đại đặt vào nó**". "**Nó**" đây chính là **cái làng Việt Nam**, là cư dân của cái làng, tế bào sống của xã hội Việt Nam với chợ làng, giếng làng, đình làng, chùa làng, thành hoàng làng, hội làng v.v... tóm lại, một **nền văn hóa làng** độc đáo, bền vững.

Chính cái làng ấy, cái nền văn hóa làng xã ấy, những cư dân sống trong cái làng ấy đối diện với những sự biến lịch sử trong suốt cả thế kỷ, đặc biệt là trong thập kỷ cuối cùng trước những thách đố của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh của sự toàn cầu hóa về kinh tế và những bước tiến như vũ bão của khoa học và công nghệ báo hiệu sự xuất hiện xã hội thông tin, xã hội tri thức của thiên niên kỷ mới.

<sup>1</sup> Lê Bá Thảo: "Việt Nam. Lãnh thổ và các vùng địa lý". NXB Thế giới. 1998. Tr. 312-314.

<sup>2</sup> Nguyễn Từ Chi: "Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người". NXB Văn hóa - Thông tin. Hà Nội. 1996. Tr. 177.

## II. Về sự biến đổi và quá trình xóa bỏ - xuất hiện

1. Để nhận diện và phân tích những biến đổi xã hội ở đồng bằng sông Hồng, có hai vấn đề tưởng như đơn giản vì người ta thường hay nói đến, song ngẫm cho kỹ thì vẫn còn thiếu sự tường minh, đó là vấn đề **xã hội** và vấn đề **hiện đại hóa**.

Trước hết, **vấn đề xã hội**. Trong cách nói, cách hiểu lâu nay ở ta, dường như có sự phân cách giữa hai hoạt động xã hội cơ bản: các quá trình kinh tế và các quá trình xã hội, các quá trình đó có vẻ như tách rời nhau hoặc có những hoạt động kinh tế không dính gì đến xã hội. Thậm chí, khi cần nói đến các hoạt động xã hội, người ta liệt kê ra một số các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục hoặc các hoạt động xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa hoặc phòng chống các tệ nạn như ma túy, mại dâm, trộm cướp, cờ bạc, v.v... Ngoài những điều đó ra, hình như chỉ còn là các hoạt động kinh tế, hoặc đơn giản hơn, là những vấn đề khác nào đó không phải là vấn đề xã hội.

Chính sự thiếu tường minh trong cách nói, cách hiểu dẫn đến sự lúng túng trong nhìn nhận, phân tích và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Thật ra, mọi hoạt động kinh tế đều có mục tiêu tự thân là xã hội. Bởi vì nói xã hội tức là nói con người, nói mối quan hệ giữa người và người. Nó là sản phẩm của sự tác động lẫn nhau giữa người và người". Vì thế, mục tiêu xã hội luôn luôn cao hơn mục tiêu kinh tế trước mắt, xã hội trùm lên mọi hoạt động kinh tế, và hiệu quả xã hội là thước đo của những chính sách kinh tế. Do đó, nói những **biến đổi xã hội** là đã bao hàm trong nó sự biến đổi về kinh tế, hơn nữa, chính sự biến đổi này là **cái cốt vật chất** của những biến đổi xã hội. Cũng do vậy, trong cụm từ kinh tế - xã hội, thì đó là nhằm lưu ý đến nội dung kinh tế của hoạt động xã hội, trong cụm từ văn hóa - xã hội thì nhằm lưu ý đến nội dung văn hóa của hoạt động ấy.

Tiếp đến, **vấn đề hiện đại hóa**. Trong cách tiếp cận xã hội học thì hiện đại hóa là một cái mốc chuyển biến từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp ở phương Tây từ thế kỷ 16. Ba trăm năm phát triển của xã hội phương Tây là tiến trình của hiện đại hóa với nhiều mô hình khác nhau mà người ta thường kể ra là của Anh, của Pháp, của Đức. Với phương Đông, được bắt đầu bằng nước Nhật của vua Minh Trị, quá trình hiện đại hóa cũng có những sắc thái riêng. Nếu như ở phương Tây, tiến trình hiện đại hóa bắt đầu với sự **thế tục hóa** rồi tiếp theo là **công nghiệp hóa** thì ở Nhật dường như đảo ngược lại tiến trình đó: bắt đầu là công nghiệp hóa rồi sau đó mới thực hiện những thay đổi về thể chế, về niềm tin và dân chủ hóa xã hội. Từ mô hình hiện đại hóa của Nhật đến quá trình hiện đại hóa của các nước công nghiệp mới ở châu á (NICs) cũng lại có những khác biệt tùy thuộc vào đặc điểm xã hội và bản sắc văn hóa của họ.

Nhưng dù khác biệt thế nào thì cái cốt lõi của hiện đại hóa vẫn là **công nghiệp hóa**, tức là quá trình biến đổi nền kinh tế mà nông nghiệp và khai thác nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn sang một nền kinh tế mà công nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Trong quá trình đó, tỷ trọng của công nghiệp ngày càng lớn trong sản xuất, xuất khẩu và lực lượng lao động. Sự biến đổi về kinh tế kéo theo nó sự biến đổi về lối sống, và cùng với nó, đòi hỏi những thiết chế phù hợp với nó. Trong sự biến đổi ấy, bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc in dấu ấn lên quá trình hiện đại hóa.

Gợi lên những điểm trên là nhằm xác định một điểm tựa cho sự tìm hiểu và phân tích về những biến đổi xã hội của đồng bằng sông Hồng trước những thách thức của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà Việt Nam đang khởi động một cách muộn mản! Muộn, vì thế giới đã đang vượt qua thời kỳ hậu công nghiệp và đối diện với xã hội thông tin, xã hội tri thức!

Song muộn còn hơn là không bao giờ! Và chẳng, người đi sau, nếu biết tỉnh táo và không mê muội bởi những định kiến quá khứ, không tự ru ngủ mình bằng những vinh quang đã từng có để không thấy được nguy cơ bị tụt hậu, vẫn có thể tìm được những lợi thế. Lịch sử phát triển của loài người đã từng chứng kiến những hưng thịnh và suy vong, và dân tộc nào biết tôn trọng lịch sử, biết học những bài học lịch sử một cách dũng cảm và tỉnh táo, sẽ vượt lên được thách thức.

Chính trên cái nền của những ý tưởng ấy mà chúng tôi tập trung sự phân tích của mình về "**những phản ứng**" của "**cái làng Việt Nam ở đồng bằng sông Hồng**" trước những "**hình thái mà lịch sử đương đại đặt vào nó**" khi xem xét về những biến đổi xã hội của nông thôn đồng bằng sông Hồng, cái nôi của dân tộc Việt Nam và nền văn hóa Việt Nam trong thời gian qua, đặc biệt là trong hơn mười năm cuối của thế kỷ 20 này.

2. Từ xã hội của nền sản xuất nông nghiệp truyền thống, đang nặng nhọc chuyển mình đi vào con đường công nghiệp hóa, đồng bằng sông Hồng đang thực hiện một bước quá độ từ truyền thống sang hiện đại.

Liệu có cần phải minh định khái niệm **xã hội truyền thống** khi mà sau 1945, nông thôn đồng bằng sông Hồng đã có một đột biến cách mạng từ tháng 8 năm 45, đem lại một luồng sinh khí mới để rồi sau đó có sự đóng góp quyết định vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với Điện biên phủ và hòa bình lập lại ở miền Bắc bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, rồi tiếp tục cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước cho đến ngày toàn thắng năm 1975? Bốn thập kỷ với biết bao biến động, ấy thế nhưng, dường như "**kết cấu của các yếu tố kinh tế cơ bản của xã hội vẫn không bị những cơn giông tố của lĩnh vực chính trị đầy mây ảnh hưởng tới**"<sup>3</sup> như Mác đã từng phân tích về phương thức sản xuất châu á.

Thời kỳ hợp tác hóa rầm rộ kéo dài trong hai thập kỷ (1960 - 1980) vẫn không đưa được nền sản xuất nông nghiệp thoát khỏi trình độ tự cung, tự cấp với cơ cấu độc canh lúa là chính! Thậm chí bình quân lương thực đầu người cũng chỉ ngang mức của năm 1929 và năm 1944 (xấp xỉ 300 kg). Với gần 20.000 hợp tác xã, trên 40.000 tập đoàn sản xuất, trên 300 nông lâm trường quốc doanh và hàng nghìn trạm trại, thì về thực chất, vẫn là những đơn vị sản xuất tự cung, tự cấp biến dạng, được bao cấp và bù lỗ triền miên! Nông nghiệp không liên kết với công nghiệp trong một cơ cấu tái sản xuất, mở rộng thì không có nhu cầu về tiến bộ kỹ thuật, do đó sản xuất ít gắn với khoa học và công nghệ, và cũng vì thiếu sự liên kết đó nên các hoạt động của thương mại (kể cả nội thương, ngoại thương) và ngân hàng cũng không đúng với chức năng thật của chúng mà vẫn là đơn vị bao cấp thậm chí là đơn vị phân phối theo mệnh lệnh!

Nông thôn đồng bằng sông Hồng chỉ thật sự khởi sắc với cơ chế Khoán hộ từ Chỉ thị 100 (năm 1981) và đặc biệt là Nghị quyết 10 (năm 1988), mở đầu cho công cuộc Đổi Mới. Có thể nói, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta được bắt đầu bằng việc tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, từ nông nghiệp mà xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý (gồm sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ). Động lực mới được tạo ra từ chính sách mới trong quản lý sản xuất nông nghiệp, trả lại cho hộ kinh tế gia đình nông dân quyền tự chủ sản xuất và kinh doanh. Động lực đó duy trì được bao lâu? Và chừng nào thì nguồn động lực ấy cạn dần và cần phải tạo ra nguồn động lực mới như thế nào?

Quá độ, theo nghĩa vốn có của nó, là **quá trình** chuyển đổi từ trạng thái cũ của sự vật, từ chất lượng cũ, chuyển dần sang trạng thái mới, chất lượng mới. Quá trình đó đòi hỏi những bước liên tục, và có thể cả đứt đoạn, để rồi tiếp tục phát triển.

---

<sup>3</sup> Các Mác: "*C.Mác & Ph.Angghen toàn tập*". Tập 23. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1993. Tr. 520.

Khi bàn về "*đối tượng thực sự của việc nghiên cứu xã hội học về sự quá độ*", F.Houtart và L.Geneviere trong một công trình nghiên cứu xã hội học về nông thôn đồng bằng sông Hồng xuất bản năm 1981 "*Hải Vân - Một xã ở Việt Nam - Đóng góp của xã hội học vào việc nghiên cứu của những sự quá độ*" có đưa ra những nhận định rất đáng suy nghĩ:

" Kiểu hình thái xã hội này không có sự xuất hiện những yếu tố tạo thành phương thức sản xuất mới bắt đầu từ sự tan rã tuần tự của phương thức sản xuất cũ. Trái lại, phương thức sản xuất mới này là do người ta gây ra một quá trình xóa bỏ xuất hiện, một sự cải tạo theo ý chí. ở đây, các tác nhân chính trị tìm cách thiết lập một hình thức quan hệ sản xuất xã hội mới, hình thức này ban đầu không tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. ở đây lại nảy sinh một quá trình biện chứng mới mà vai trò động lực là sự thay đổi các quan hệ sản xuất xã hội. Đây là một hình thức sản xuất mới được xây dựng trên các cơ sở vật chất cũ (sự gộp nhập có tính chất hình thức); *người ta bắt đầu đi bằng chân của kẻ khác*. Vậy mà cần phải tuần tự vượt qua giai đoạn này (để đi tới giai đoạn gộp nhập thật sự). Còn hơn cả ở những sự quá độ khác, vai trò của kiến trúc thượng tầng ở đây rất lớn. Trong những sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chính trị là cái thống soái, vì quá trình là có tính chất ý chí. Điều này có nghĩa là mô hình văn hóa nền tảng có một chức năng động. Đương nhiên, không phải là không có nguy cơ ý chí luận", đây chỉ là hình thức mới của chủ nghĩa duy tâm...

Như vậy là qua toàn bộ quá trình thay đổi, vẫn còn lại những hình thái cũ - không bao giờ có sự cắt đứt toàn bộ - và đồng thời cũng có sự xóa bỏ một số hình thức ấy. Như vậy thì nhà xã hội học trước hết cần cố gắng xác định xem những hình thái nào bị xóa bỏ nhanh nhất và những hình thái nào trái lại, vẫn còn lại và sau đó từ đấy mà tìm ra các quy tắc. Các hình thái mới không phải xuất hiện một cách tự động, chúng cũng phải tuân theo cùng những quy luật như hình thái cũ, có điều là theo chiều ngược lại, *chúng đi theo mặt lõm, còn các hình thái cũ thì đi theo mặt lồi của cùng những đường cong quy luật*.

Do đó, "*quá trình xóa bỏ - xuất hiện chính là đối tượng thực sự của việc nghiên cứu xã hội học về sự quá độ*"<sup>4</sup>.

Trong cái làng tiểu nông của đồng bằng sông Hồng, những cái gì đã và đang bị xóa bỏ, những cái gì đang và sẽ *xuất hiện*?

### III. Những phản ứng của làng

1. Từ những năm 40, P.Gourou đã nhận xét rằng tất cả những ai quan sát cách làm ăn của người nông dân đồng bằng Bắc bộ "*đều thán phục sự thích nghi mềm dẻo và sự quan sát của người nông dân*". ấy thế mà nạn đói là hiện tượng phổ biến trong 95% dân số là nông dân. Và nếu như so với thời của Gourou nghiên cứu, sản xuất lương thực chủ yếu là thóc chỉ đạt 2,2 triệu tấn (1941) thì sau cải cách ruộng đất, sản lượng này đã lên tới 3,7 triệu tấn (1956). Bình quân lương thực đầu người đã tăng lên đến 367,2 kg so với 293 kg năm 1941. Và đến năm 1997 thì tổng sản lượng quy ra thóc là 6 triệu 174,6 ngàn tấn (theo Niên giám Thống kê 1997). Riêng tính 6 tháng đầu năm 1999, con số mới nhất theo Tổng cục Thống kê ước tính, thì ở miền Bắc riêng vụ Đông Xuân là 6 triệu 662 ngàn tấn, trong đó đồng bằng sông Hồng chiếm một tỷ lệ lớn.

Những con số đó nói lên trình độ canh tác của người nông dân đồng bằng sông Hồng và khả năng đất đai có thể cho một năng suất như thế nào. Điều phải nói thêm là,

<sup>4</sup> Francois Houtart & Genevieve Lemercinier.: "*Hải Vân. Một xã ở Việt Nam. Đóng góp của Xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ*". Trung tâm Nghiên cứu Xã hội - Tôn giáo. Đại học Louvain xuất bản năm 1981". Bản dịch của Viện Xã hội học. Tr. 12h.

trình độ ấy, năng suất ấy cần xem xét trong điều kiện sự hỗ trợ về kỹ thuật, của máy móc còn rất khiêm tốn. Liệu có cần nói rằng, phải vắt kiệt sức lao động của con người và độ phì nhiêu của đất đai mới đem lại một sản lượng đáng khâm phục như vậy không?

Đáng lo ngại hơn cả là, đồng bằng sông Hồng, nơi đất hẹp người đông, có tỷ lệ đất canh tác tính trên đầu người rất thấp: bình quân không quá 500m<sup>2</sup> đầu người. Nếu ruộng đất tính bình quân theo đầu người Việt Nam đứng vào loại thấp nhất trên thế giới thì vùng đồng bằng sông Hồng lại là nơi thấp nhất so với cả nước. Ấy vậy mà tốc độ giảm diện tích đất nông nghiệp lại hết sức đáng lo ngại: giai đoạn 1992 - 1996, đồng bằng sông Hồng giảm 17.040 ha, tốc độ mất đất nông nghiệp trung bình là 3408 ha/năm!<sup>5</sup>. Nên nhớ rằng giai đoạn 1980 - 1990 chỉ giảm khoảng 10.000 ha, nghĩa là trung bình giảm 1.000 ha/năm, và lúc đó, diện tích đất bình quân đầu người là 460 m<sup>2</sup>!

Như vậy là, từ 1954 đến nay, luôn xảy ra hai quá trình trái ngược nhau trên không gian nông nghiệp: một mặt quỹ đất tăng lên do mở rộng diện tích khai hoang, mặt khác, đất trồng lúa và cây lương thực không ngừng giảm do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa! Nếu nhìn kỹ hai quá trình ngược ấy thì điều sẽ thấy là việc khai hoang mở rộng diện tích không bù lại được với chuyện mất đất nông nghiệp. Trong lúc đó, thời gian sử dụng ngày công lao động thuần nông là rất thấp. Chỉ có 18% lao động nông nghiệp làm được 210 ngày/năm trở lên, còn lại dưới 210 ngày/năm trong đó 21% số lao động chỉ làm việc 90 ngày với thời gian làm việc bình quân từ 4 đến 5 giờ/ngày. Mâu thuẫn giữa mức tăng lao động và mức giảm quỹ đất thật là gay gắt. Sức ép của sự tăng dân số với tỷ lệ ruộng đất canh tác chia theo đầu người là yếu tố thường trực đe dọa đến sự ổn định xã hội của vùng đồng bằng đất chật người đông này. Trong quá khứ đã vậy, hiện tại vẫn như vậy. Đây là yếu tố phải tính đến trước tiên khi phân tích về những lực tác động đến sự biến đổi xã hội vùng đồng bằng sông Hồng. Sức ép dân số lên vùng châu thổ này chưa thể xóa bỏ cho dù cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình đã thu được những thành tựu. Dân số tăng song đất không tăng, mà lại giảm. Hơn nữa, đất lại đang có giá khi nó trở thành một thứ hàng hóa đặc biệt, đó là khi, chẳng hạn như có con đường mới mở, báo hiệu cho sự hiện diện của một yếu tố mới mà cái làng tiểu nông lâu nay chưa hề có: đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa! Nó là mầm mống phá vỡ cái thế "siêu ổn định" của làng xã từ bao đời. Trong quãng mười năm trở lại đây, hiện tượng này càng thấy rõ, và sẽ là một trong những nhân tố thúc đẩy sự biến đổi xã hội.

2. Từ hộ tiểu nông tiến lên hợp tác xã bậc thấp, đến bậc cao rồi quay trở lại hộ tiểu nông trong bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường, đó là những chuyển động lớn trong xã hội nông thôn trong mấy thập kỷ qua.

Không thể không khẳng định rằng, cố gắng xóa bớt sự manh mún của ruộng đất trong cái làng tiểu nông, tạo nên những không gian sản xuất thuận cho cơ giới hóa nông nghiệp là một hướng tất yếu của sự phát triển. Oái oăm thay, mỗi lần có một chính sách mới về nông nghiệp với mục đích tỏ rõ ưu thế của nền kinh tế tập thể thì mỗi lần sản xuất lại tụt thêm một ít!

Từ cuối 1959 đến cuối 1960, trong vòng 1 năm, 85% hộ nông dân miền Bắc vào hợp tác xã bậc thấp thì sản lượng lương thực năm 1960 giảm mất 1 triệu tấn so với năm 1959!

Từ 1961 đến 1965, trong năm năm, 76,7% hợp tác xã được nâng lên bậc cao, rồi mười năm tiếp sau đó, nhà nước đầu tư một số vốn khổng lồ cho nông nghiệp: nửa triệu hecta đất nông nghiệp được bảo đảm tưới tiêu, các cơ sở hạ tầng như bờ vùng, bờ thửa, các nhà kho, trạm trại chăn nuôi, trường học, trạm xá v.v... được xây dựng khắp nơi. Ấy

<sup>5</sup> Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ phát triển vùng lãnh thổ - đồng bằng sông Hồng: "Tư liệu vùng đồng bằng sông Hồng". NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. 1998. Tr. 41 và 76.

thế nhưng, cái cơ bản vẫn chưa giải quyết được: sản xuất không tăng! Sự giảm sút lương thực là chỉ báo điển hình của thực trạng kinh tế!

Khi lương thực tụt xuống **215 kg/đầu người** vào năm 1980 là đã đến cái ngưỡng không thể chịu đựng được. Cuộc sống phải tự mở lối đường đi cho nó và rồi hiện tượng "khoán chui" đã buộc phải hợp pháp hóa bằng chỉ thị 100 năm 1981!

Trong quá trình hợp tác hóa nông nghiệp, hộ gia đình tiểu nông tưởng như đã tan biến vào trong hợp tác xã, nhưng không. Trên mảnh đất 5% dành cho hộ gia đình tiểu nông này thực sự là "tác đất, tác vàng" đã là nguồn thu nhập chính của hộ gia đình, nói lên rằng hộ tiểu nông không hề tan biến, nó vẫn tiềm tàng một sức sống đến kỳ lạ. Để rồi, sức sống ấy bật dậy với khoán 10, trả lại quyền tự chủ về sản xuất và kinh doanh cho hộ gia đình nông dân mà trên danh nghĩa vẫn là xã viên của hợp tác xã!

Nếu trong thời cao trào của hợp tác hóa, nỗ lực tối đa trong khai thác mảnh đất 5% và rồi những cách "khoán chui" là **"phản ứng ngược duy nhất mà họ có thể lựa chọn"**<sup>6</sup> thì sau nghị quyết 10, một nghị quyết **"đúng với quy luật, có tính công phạt, có khả năng cứu vãn tình hình, được xã hội chấp nhận và hợp lòng dân"**<sup>7</sup>. Chính cái truyền thống (làng tiểu nông với sản xuất nông nghiệp) đã cứu cho cái hiện đại (đô thị và công nghiệp) một bàn thua trông thấy! Từ sự khởi động trong nông nghiệp mà có sự khởi sắc của đô thị và công nghiệp. Nhưng rồi sao nữa?

Nông thôn, nông nghiệp, nông dân khởi động sự nghiệp Đổi Mới, nhưng thành tựu của Đổi Mới thì đô thị được thu nhận chủ yếu, nông thôn và nông dân không thụ hưởng được bao nhiêu! Trong lúc đó thì văn hóa và lối sống đô thị, những luật chơi mới của cơ chế thị trường lại tác động dữ dội đến lối sống, thói quen, các mối quan hệ tiểu nông "đậm ấm" và thuần phác, tác động đến nền văn hóa làng vốn đã chịu đựng những công phá quyết liệt của một thời đoạn ấu trĩ đang cố sức gượng dậy!

Phải từ cái chiều cạnh này của cuộc sống nông thôn để đo đếm, phân tích **"những phản ứng của nó (làng Việt. TL) trước những hình thái mà lịch sử đương đại đặt vào nó"**.

3. Vậy thì, thử nhìn xem những phản ứng của "cái làng Việt Nam", mà trước hết là cái làng của đồng bằng sông Hồng "là nơi đã diễn ra sự hình thành của văn hóa, văn minh Việt Nam ngay từ buổi ban đầu và hiện nay vẫn là nơi mà văn hóa, văn minh Việt Nam bảo lưu được nhiều giá trị truyền thống hơn cả trên con đường tiến lên phía trước" ... "là vùng văn hóa quan trọng vào bậc nhất của nước ta"<sup>8</sup>.

**"Làng"** là chữ thuần Việt, trong các tài liệu lịch sử được viết bằng chữ Hán thì chỉ có chữ **"Xã"**. Theo sử cũ, thì vào thế kỷ VII, VIII nước ta đã có đơn vị xã từ 60 hộ trở xuống. Sang các thời kỳ sau thì không thấy sử cũ ghi chép về xã như thế nào<sup>9</sup>.

Làng và xã xưa kia vốn không phải đồng nhất với nhau. Làng là điểm dân cư, là kết tụ về nông nghiệp của người Kinh. Xã là đơn vị hành chính của nhà nước phong kiến. Thời Lý Trần, đơn vị này gọi là hương, tồn tại cho đến thế kỷ XV, có phạm vi rộng lớn hơn làng. Có thể nói, dưới thời Lý Trần cho đến đầu Lê sơ, làng không đồng nhất với hương xã. Nhà nước phong kiến chưa có sự quản lý chặt chẽ đến làng. Đến thời Lê Thánh Tông, xã thu hẹp lại tương đương như làng, với ngạch xã trưởng thay cho ngạch xã quan cùng với chế độ "quân điền" được ban hành vào năm Hồng đức thứ 12 (1481), tạo ra một biến cách lớn trong cuộc sống làng xã. Việc chia ruộng đất của làng xã cho

<sup>6</sup> Lê Bá Thảo: Xem chú thích 1, tr. 226.

<sup>7</sup> Phạm Văn Đồng. "Văn hóa và Đổi Mới". NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1994. Tr. 49.

<sup>8</sup> Đinh Gia Khánh: "Các vùng văn hóa Việt Nam". NXB Văn học. Hà Nội. 1995. Tr. 56.

<sup>9</sup> Phan Đại Doãn: "Làng Việt Nam. Một số vấn đề văn hóa xã hội". NXB Khoa học Xã hội & NXB Mũi Cà Mau. 1992. Tr. 32.

dân trong làng vốn có từ xa xưa, nay được quy định thành luật lệ với định kỳ là 6 năm, để rồi đến thế kỷ 19 của triều Nguyễn là 3 năm. Ruộng công và chế độ quân điền đã càng củng cố hơn mối quan hệ cộng đồng, càng buộc chặt người nông dân với làng.

Đói khổ, phải tha phương cầu thực vào lúc mất mùa đói kém, nhưng rồi vẫn muốn quay trở về làng. Không phải chỉ là "lá rụng về cội", "cáo chết ba năm quay đầu về núi", mà là trở về làng cũ vẫn được làng chia ruộng cho. Chính yếu tố kinh tế này là ngọn nguồn của tâm lý làng xã. Tâm lý ấy càng được củng cố vững chắc qua những bước hưng vong của làng xã, tan rã rồi tái lập. Thậm chí, theo Ngô Thì Sĩ, ở cuối thế kỷ 18, số làng phiêu tán gần tương đương với làng xã của một trấn đồng bằng<sup>10</sup>. "Việt sử thông giám cương mục" ghi rõ: Lúc ấy, làng xóm tiêu điều tan tác, tính theo số xã thì nhân dân phiêu tán nhiều có đến 1730 làng, phiêu tán vừa có đến 1961" (Tập 18, trang 14). **Lúc ấy** là giữa thế kỷ 18, và **các làng** ở đây là thuộc vùng đồng bằng sông Hồng. Tưởng chừng như làng đã tan rã. Nhưng không.

Những người nông dân phiêu tán sống sót lại quay về làng, vì về đó, họ có ruộng để sống, cho dù sống cực khổ. Sống với họ, với giáp, với xóm, với làng, người nông dân tìm được chỗ dựa, tìm lại được chính mình. Bâu không khí quen thuộc mà người nông dân hít thở hàng ngày đó chính là cái VĂN HÓA làng của họ.

Học giả Đào Duy Anh viết cách đây 60 năm "cái văn hóa của tổ tiên ta đã gây dựng trong hai nghìn năm để sinh trưởng giữa những điều kiện tự nhiên ác liệt ở xứ này, tất phải có sinh khí mạnh mẽ lắm"<sup>11</sup>. Sinh khí ấy có được là nhờ ở đâu? Cụ Đào cho rằng "xem thế thì nông dân thực là nền móng của dân tộc ta mà nông nghiệp là nền móng của văn hóa ta vậy"<sup>12</sup>. Những ý tưởng ấy vẫn còn sức gợi mở cho suy nghĩ của chúng ta về những biến đổi xã hội hôm nay.

Cụ Đào biện giải "Trạng thái kinh tế tự cấp, tự túc là cái cơ sở của văn hóa đình trệ và bảo thủ của ta ngày xưa. Văn hóa ấy gồm những phong tục tập quán khiến cho người nhà quê trong bao nhiêu đời ở trong cảnh khốn cùng hết sức mà vẫn nhẫn nại chịu được, cho nên xã hội vẫn thường êm đềm lặng lẽ, trật tự chính tề. Ngày nay, công nghiệp thương nghiệp phát đạt làm cho nền kinh tế tự nhiên của dân quê bị lay chuyển đã khiến cho cảnh họ cực khổ hơn xưa, mà những tư tưởng mới thịnh thoáng ba động đến cái nền văn hóa cố cựu lại **làm cho họ cảm giác rõ ràng những nỗi khổ sở ấy mà khiến họ phải cựa quậy. Thế mà sự biến động của thôn quê chỉ là mới bắt đầu**"<sup>13</sup>. (Tôi gạch dưới. TL).

4. Hơn 60 năm qua, sự "**cựa quậy**", "**sự biến động của thôn quê chỉ là mới bắt đầu**" ấy đã diễn ra như thế nào? Những cột mốc cơ bản, vẫn tất nên lên có thể như sau:

a. Cách mạng tháng 8 thực sự là cuộc cách mạng xã hội đầu tiên, bởi lẽ, trong lịch sử Việt Nam chưa hề có một cuộc cách mạng xã hội theo ý nghĩa đích thực của nó. Cái "sinh khí mạnh mẽ lắm" của nền "văn hóa tổ tiên gây dựng" đã có những lúc tưởng như lụi tàn đã bừng dậy. Nông thôn, nông dân không chỉ "cựa quậy" mà đã quật khởi đánh đổ hai tầng áp bức thực dân và phong kiến và bắt tay vào công cuộc diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Những người nông dân từ bao đời sống lầm lũi trong lũy tre làng đã đứng dậy với tâm vóc của những con người "biết xử sự như người con của một dân tộc đã có một nền văn hóa lâu đời, nhưng lại có đủ khả năng để trở lại"<sup>14</sup>.

Và chính những người nông dân của nền văn hóa được hồi sinh và trở lại đó đã làm nên chiến thắng Điện Biên lịch sử, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ không phải chỉ

<sup>10</sup> Như trên. Tr. 22.

<sup>11</sup> Đào Duy Anh: "Việt Nam Văn hóa sử cương". NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1992. Tr. 9

<sup>12</sup> Đào Duy Anh: "Việt Nam Văn hóa sử cương". NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1992. Tr. 357

<sup>13</sup> Đào Duy Anh: "Việt Nam Văn hóa sử cương". NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1992. Tr. 81

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh: "Hồ Chí Minh toàn tập". Tập 4. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1995. Tr. 283.

ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Pháp rồi cuộc kháng chiến chống Mỹ đã làm biến động dữ dội cái xã hội nông thôn trầm lặng và đóng kín. Người nông dân rời làng quê ra đi chiến đấu, những người trở về quê hương với hành trang mới về cuộc sống mở rộng khỏi lũy tre làng. Kinh nghiệm, tri thức, thói quen tập quán mới đang thâm nhập vào mỗi nếp nhà, mỗi thôn xóm. "**Cái động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ**"<sup>15</sup>: **chủ nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước** vốn là một sức mạnh tiềm ẩn trong con người Việt Nam, người nông dân Việt Nam, đã được cách mạng và kháng chiến khởi động và phát huy lên đến đỉnh cao. Cái giá phải trả cho những kỳ tích giành được không sao có thể đo đếm. Sự hy sinh của cả dân tộc, trong đó nông dân chiếm tuyệt đại bộ phận, khắc họa những dấu ấn trong mỗi ngôi nhà, trên từng gương mặt, hằn sâu trong tâm linh của nhiều thế hệ.

Chúng ta đang đối diện với những sự kiện xã hội cần được phân tích.

b. Cải cách ruộng đất thực sự là một động lực thúc đẩy người nông dân nắm chắc tay súng trên chiến trường vì biết rằng ở hậu phương vợ con, gia đình mình được hưởng thành quả của chủ trương "người cày có ruộng". Rồi tổ đổi công và hợp tác xã bậc thấp như là những điều kiện cần thiết để cho sản xuất nông nghiệp được giữ vững khi một lực lượng lao động chủ yếu đã rời tay cày, tay cuốc để cầm súng chiến đấu. Đó là mặt thuận của những đột biến lớn. Nhưng bên cạnh đó, mặt trái của tấm huân chương lại được phô bày ra. Những dấu tố trong cải cách ruộng đất, những sai lầm đã phải trả giá cho sự phá vỡ những mối quan hệ cộng đồng "tối lửa tắt đèn có nhau" trong cuộc sống nông thôn. Sự cường điệu cuộc đấu tranh giai cấp đến độ khoác cho nó bộ áo quá cỡ đã làm băng hoại không ít những quan hệ thuần phác và "**tinh thần cởi mở vốn là một nét tính cách của cư dân đồng bằng miền Bắc**"<sup>16</sup>. "**Tinh thần cởi mở về mặt tư tưởng lại thể hiện ở tinh thần khoan dung tôn giáo**" và "**Nếu như tinh thần khoan dung tôn giáo là một nét đặc sắc trong tính cách của dân tộc Việt Nam nói chung thì tinh thần ấy tìm được sự biểu hiện đầy đủ nhất trong vùng đồng bằng miền Bắc, nơi mà sự đoàn kết tôn giáo được củng cố vững chắc nhất**"<sup>17</sup>. Những sai lầm trong cải cách ruộng đất, mặc dầu sau đó cuộc sửa sai đã cố gắng khắc phục hậu quả, tuy vậy vẫn gây nên những thương tổn cho **nét tính cách truyền thống của dân tộc** nói trên vốn được nuôi dưỡng trong nền văn hóa làng.

Tổn thương này trong đời sống làng quê khó mà hàn gắn được. Chúng ta nhớ lại, từ những năm 20 của thế kỷ này, khi khảng định "chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn nhất của đất nước", Nguyễn ái Quốc đã từng phân tích "Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây... nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa... Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được"<sup>18</sup>.

Được giảm thiểu không có nghĩa là không có. Nạn cường hào địa chủ áp bức, bóc lột bản cố nông là một thực trạng xã hội. ở vùng đồng bằng đất chật người đông, thảm cảnh đó càng rõ. Song, nhìn nhận chúng như thế nào, phân tích về mức độ "sự xung đột về quyền lợi" giữa cường hào, địa chủ và nông dân nghèo có ý nghĩa lớn trong việc vạch ra sách lược đấu tranh nhằm vào mục tiêu cần đạt tới mà không làm tổn thương và băng hoại những giá trị được gây dựng tự bao đời, nhất là khi chính quyền đã thuộc về tay nhân dân, khi người nông dân đang là chủ thể của cách mạng. Đó là điều giờ đây nhìn lại những trang lịch sử của giai đoạn cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức chúng ta có thể hiểu được. Bên cạnh những tác động tích cực, những sự biến lịch sử

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh. Toàn tập. Tập I. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1995. Tr. 467.

<sup>16</sup> Đinh Gia Khánh: Chú thích 8. Tr. 73.

<sup>17</sup> Đinh Gia Khánh: Chú thích 8. Tr. 74.

<sup>18</sup> Hồ Chí Minh: Chú thích 15. Tr. 466, 464.

này đã để lại những dấu ấn tiêu cực khá nặng nề trong đời sống tinh thần của làng quê Việt Nam, trong đó có đồng bằng sông Hồng. Những tổn thương đó có thể không xảy ra, nếu vẫn có thể đạt được mục tiêu "người cày có ruộng" và giải phóng sức sản xuất bằng một cách thức khác phù hợp với đạo lý dân tộc và tính cách của người Việt Nam. Giá mà làm được điều đó. Nhưng thôi, lịch sử không có chuyện "giá mà"!

Nếu những tổn thương về tình cảm thường khó hàn gắn, hơn nữa, dễ tái phát, thì những tổn thương về đời sống tâm linh lại càng khó hồi phục hơn. Những ngôi đình, những đền chùa, miếu mạo, từ đường,... bị đập phá hoặc biến làm nhà kho, nhà chứa phân, trụ sở hợp tác, đã thực sự xúc phạm đến đời sống tâm linh, một phần sống thiêng liêng của cuộc sống con người. Khi người ta đập phá, xúc phạm đến những di sản "văn hóa hữu thể" đó thì chính là người ta đã làm tổn thương nặng nề cái "văn hóa vô hình", vì thực ra làm sao mà tách ra được cái hữu thể và cái vô hình trong nền văn hóa làng xã khi nó đã đọng lại bên trong cuộc sống của mỗi con người.

c. Cũng vì vậy, hoàn toàn có thể hiểu được vì sao, cùng với sự cởi mở trong cung cách làm ăn với cơ chế quản lý kinh tế mới, đang đẩy lên một hội chứng tu tạo đình chùa, miếu mạo, sửa sang từ đường, lập lại gia phả dòng họ, chấn hưng hội hè đình đám! Thì ra, những cái bị bế tỏa đã dồn nén lại bên trong, khi có dịp thì bùng lên, lan tỏa. Cứ xem những nét hoan hỉ, thỏa mãn trên gương mặt của các cụ bà nông thôn trong tấm áo ngày lễ đến ngôi chùa làng vừa được trùng tu đủ thấy cái nhu cầu thỏa mãn cuộc sống tâm linh mạnh đến nhường nào. Léopold Cadière trong "Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt" có một nhận xét sâu sắc: *"liên kết tôn giáo vào mọi hành vi của cuộc sống bản thân và thậm chí tin rằng các hữu thể siêu nhiên luôn hiện diện bên cạnh họ cũng như chi phối họ, và rằng hạnh phúc của họ tùy thuộc vào các hữu thể ấy can thiệp vào các chuyện ở cõi thế này"*<sup>19</sup>. Phạm Văn Đồng cũng đã từng lưu ý đến việc con người Việt Nam *"chịu ảnh hưởng của thứ tôn giáo thờ phụng tổ tiên, thờ phụng những nhân thần có công lao to lớn với đất nước"* và nhấn mạnh rằng *"Đó là một nét đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam"*<sup>20</sup>.

Đã có một thời xót xa, chúng ta cố tình phủ định nét đẹp đó, và điều ấy đã làm bục vỡ những thiết chế vốn được hình thành để giữ gìn và tôn tạo nét đẹp đó. Sự bục vỡ ấy đã tạo ra những khoảng trống khó lấp đầy trong cuộc sống mặc dù đã có lúc tưởng như những làn gió mới của cách mạng, của kháng chiến, của việc xây dựng xã hội mới đã có thể bù đắp, thay thế được. Quả thật cũng đã có lúc người ta tưởng như vậy, tin như vậy vì cái mới thật hấp dẫn và choáng ngợp. Nhưng sự hấp dẫn và choáng ngợp đó muốn trụ vững và phát triển thì phải được dung hợp và thẩm thấu qua nền văn hóa đã được xây đắp từ bao đời. Cùng với sự dung hợp và thẩm thấu đó, không tránh khỏi những đụng độ, xung đột giữa cái nền đã có và cái vừa mới đến. Những đụng độ, xung đột này có thể ngấm ngấm, có thể bột phát riêng rẽ. Nhưng thông thường nó là phần chìm của tảng băng mà phần nổi lên lại là những phản ứng trước những đụng độ, va chạm về lợi ích kinh tế hoặc những mâu thuẫn, gay gắt về mặt xã hội.

Không thấy cái chiều sâu văn hóa, cái phần chìm của tảng băng này, sẽ không giải thích được một cách thấu đáo những sự kiện hoặc những sự biến đổi xã hội.

Người nông dân ở trong cái làng của mình không phải là "củ khoai tây ở trong một bao tải khoai tây", họ gắn kết với làng trong vô vàn những mối dây chặt chẽ: dòng họ, phe giáp, xóm làng. Ruộng công và chế độ quân điền xưa kia là cái lõi của mọi mối quan hệ cộng đồng. Các quan hệ cộng đồng càng phức tạp, người nông dân càng bị buộc

<sup>19</sup> Léopold Cadière: "Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt". NXB Văn hóa - Thông tin. 1997. Tr. 38.

<sup>20</sup> Phạm Văn Đồng: Chú thích 7. Tr. 38.

chặt vào làng xã. Cho đến những năm 30 của thế kỷ này, ở đồng bằng sông Hồng, ruộng công vẫn chiếm đến hơn 30%.

Dưới vòm trời, đất nào cũng là đất của nhà vua! Đó là danh nghĩa về *sở hữu*. Nhưng *chiếm hữu* là của cộng đồng làng xã và *sử dụng* ruộng đất tư nhân là người nông dân. Đây là sự cân bằng, thỏa hiệp, nhân nhượng giữa nhà nước - làng xã và nông dân. Chính đây là nét đặc thù của xã hội phương Đông, nhà nước phương Đông. Nhà nước thông qua làng xã mà thu thuế, mộ phu, tuyển lính. Làng xã là *đơn vị hành chính*. Từ thời Lý Trần đã đặt ngạch *xã quan* với "đại tư xã", "tiểu tư xã" cho đến thời Lê Thánh Tông đổi ngạch xã quan sang ngạch *xã trưởng* để rồi thời nhà Nguyễn, triều Minh Mạng đổi xã trưởng thành *lý trưởng* và củng cố bộ phận lý dịch. Thế nhưng làng xã lại là *cộng đồng đa chức năng, tự trị, tự quản* trên rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống nông thôn. "*Hương ước, lệ làng đã tạo nên môi trường xã hội và văn hóa, khuôn thức cho cuộc sống của dân làng*"<sup>21</sup>. Thông qua cái trục gia đình - họ - làng, các quan hệ kinh tế văn hóa, xã hội đan xen, thấm thấu vào nhau và được phản ánh phần nào trong những hương ước và lệ làng ấy đồng thời cũng qua đó thực hiện sự tự trị, tự quản của làng xã.

Sản xuất tiểu nông vốn là loại hình kinh doanh tổng hợp nông, công, thương kết hợp trên cơ sở nông nghiệp, tái sản xuất, tiểu nông được tích lũy chủ yếu trên lao động sống. Nói công thương ở đây cũng chỉ là tiểu thủ công và buôn bán vật quanh cái chợ làng, chợ tổng, chợ huyện. Tuy nhiên, tái sản xuất tiểu nông ấy lại là ngọn nguồn của việc *tái sinh làng xã*, một hiện tượng xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước. Chính cái yếu tố tái sinh này đang là vấn đề hiện diện cần có sự thấu hiểu khi nhìn nhận những biến đổi xã hội của đồng bằng sông Hồng hôm nay mà những tiền đề của nó vẫn đang có sẵn. Sức ép về dân số và bình quân ruộng đất được chia lại rất manh mún, sự phục hồi lại tính tự quản trong sản xuất và hộ gia đình với nghề trồng lúa chiếm tuyệt đại bộ phận lao động sống, thiếu vốn, thiếu tri thức và kỹ năng, thiếu vai trò tổ chức quản lý, và đương nhiên, thiếu cả kinh nghiệm, thói quen để có thể phân công lại lao động xã hội, đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa. Thực trạng đó vẫn đang là mảnh đất để tái sinh tâm lý tiểu nông mặc dù yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại đang thúc đẩy, vẫy gọi.

Chính từ đấy mà nảy sinh vấn đề!

#### IV. Chiều sâu các sự kiện xã hội của làng xã

*1. Vấn đề trước tiên là trong một thời gian dài của cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp và hợp tác hóa với hợp tác xã bậc thấp rồi bậc cao ở đồng bằng sông Hồng, tính tự trị của làng xã bị phá vỡ hoặc bị thu hẹp lại, có nơi bị triệt tiêu trong quá trình xây dựng cuộc sống mới.* Thực ra thì giải thể làng tiểu nông với những hạn chế của nó trong sự hình thành một nền sản xuất lớn với kinh tế thị trường, công nghiệp hóa và hiện đại hóa là điều không thể không xảy ra. Nhưng xảy ra lúc nào, bằng cách nào, và những hệ quả nào sẽ nảy sinh từ quá trình đó là điều cần phải có dự báo và có những giải pháp khắc phục. Hơn nữa, "*không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển vẫn chưa phát triển*"<sup>22</sup>. Chẳng những thế liệu có cần xem xét đến một điều mà Max Weber đã từng lưu ý khi phân tích chủ nghĩa tư bản và xã hội nông thôn ở Đức thế kỷ 19: "Hai nghìn năm quá khứ vẫn không huấn luyện cho người nông dân sản xuất ra để kiếm lợi nhuận". Liệu người nông dân đồng bằng sông Hồng đã được huấn luyện để làm điều ấy như thế nào trong quá khứ và hiện nay?

<sup>21</sup> Đinh Gia Khánh: Chú thích 8. Tr. 73.

<sup>22</sup> *Các Mác Toàn tập*. Tập 13. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1993. Tr.15.

Chúng ta đang đối diện với một *song đề* trong ứng xử với làng xã, không chỉ về kinh tế, mà đặc biệt là về văn hóa xã hội.

Quá trình hợp tác hóa, đi từ hợp tác xã bậc thấp rồi lên hợp tác xã bậc cao - đồng bằng sông Hồng hướng trọn thành tựu cũng như thảm họa của tiến trình này - tưởng đã có thể xóa bỏ bờ vùng, bờ thửa của những mảnh ruộng tiểu nông manh mún để tạo ra một không gian nông nghiệp thuận cho sản xuất lớn, cơ khí hóa. Hộ gia đình nông dân với tên gọi mới là hộ xã viên chỉ còn được giữ lại 5% cho riêng mình. Ấy thế rồi chính mảnh đất 5% này lại cứu vãn được cuộc sống cho họ để đến lúc, với việc trả lại quyền tự chủ sản xuất và kinh doanh nông nghiệp cho hộ kinh tế gia đình, kỹ năng và tâm huyết vốn dồn cho mảnh đất 5% ấy nay được vận dụng vào cho 100% số đất được quyền sử dụng, chuyển nhượng đã là một động lực to lớn làm thay đổi thực trạng nông thôn và không chỉ ở nông thôn.

Trên những đường nét cơ bản, việc quay trở lại với hộ kinh tế gia đình nông dân là đơn vị sản xuất cơ bản, liệu có phải là quay trở lại với nền kinh tế tiểu nông? Và quay trở lại với kinh tế tiểu nông tức là lập lại việc tái sinh làng xã với tâm lý, thói quen v.v... tốt có, xấu có của làng xã truyền thống! Hình như không phải như vậy! Vì từ mục tiêu dài hạn và ngắn hạn của chiến lược kinh tế - xã hội được xác định cho đến năm 2000 rồi 2010, việc công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn được đặt ở vị trí hàng đầu.

Thế nhưng, trong ứng xử thực tiễn thì chính sản xuất tiểu nông với hộ kinh tế gia đình nông dân (cho dù vẫn còn có nơi sử dụng danh hiệu hộ gia đình xã viên, và hợp tác xã trên danh nghĩa vẫn tồn tại, cho dù nội dung hoạt động thực của nó thì không còn như cũ nữa) đã góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế và xã hội trầm trọng kéo dài ở cuối thập kỷ 70 và trong thập kỷ 80. Không có sự khởi sắc trong nông nghiệp, đưa bình quân lương thực đầu người năm 1980 là 215kg lên 330kg năm 1989 thì cũng không có những thành tựu của Đổi Mới trên các lĩnh vực khác. Có nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố kỹ thuật về giống và thủy lợi tưới, tiêu nước, song chủ yếu vẫn là sức lao động cơ bắp được một động lực mới khởi động để thâm canh tăng năng suất. Bằng chứng là hệ số sử dụng ruộng đất ở đồng bằng sông Hồng là 1,8! Điều này nói lên sức sống kỳ lạ của nền kinh tế tiểu nông trong bối cảnh của tái sản xuất tiểu nông trồng lúa, nuôi gia cầm, gia súc, làm vườn, tạo ra sản phẩm thủ công có khi thêm nghề cá, tất cả đều chủ yếu được tích lũy từ *lao động sống*. Mà *tái sản xuất với nguồn lực chủ yếu là nhân lực - lao động sống lại luôn luôn tiềm tàng khả năng tái sinh làng xã, tái sinh tâm lý làng xã, như đã phân tích ở trên*. Nhìn ở một khía cạnh nào đấy thì đây là cái vòng luẩn quẩn làm cho xã hội nông thôn không phát triển nổi để chuyển sang hình thái mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thế nhưng, liệu có thể thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa bằng cách thúc đẩy sự phân rã hoàn toàn cấu trúc truyền thống, giải thể một cách triệt để cơ cấu xã hội kinh tế văn hóa làng xã, đoạn tuyệt hoàn toàn với những cái đã tồn tại từ xưa? Không thể làm như vậy!

Vậy thì, khôn ngoan nhất là nhìn nhận cấu trúc truyền thống của làng xã, từ kinh tế đến xã hội và nhất là văn hóa xem như là những tiền đề không thể lẫn tránh, từ đó tìm kiếm con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa không làm mất đi tính liên tục của truyền thống làng xã. Truyền thống ở đây được hiểu bao gồm cả những nhân tố tích cực và nhân tố tiêu cực, vấn đề là biết kế thừa, nuôi dưỡng và phát huy cái tích cực và hạn chế, khắc phục, xóa bỏ cái tiêu cực trong cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống làng xã ấy, đặc biệt là văn hóa - xã hội.

2. Tính tự trị, tự quản của làng xã truyền thống thể hiện khá điển hình của tính tích cực và tiêu cực ấy. Cái tiêu cực thì quá rõ ràng: tính cục bộ địa phương, phân tán và rất yếu kém về tinh thần luật pháp: "phép vua thua lệ làng". Song trong khi xóa bỏ cái

tiêu cực, người ta đã không chú trọng khai thác, phát huy những yếu tố tích cực trong truyền thống tự trị tự quản của làng xã.

Trong xã hội cũ, quyền lực của làng xã là sự kết hợp, hay nói đúng hơn, là sự dung hòa giữa quyền lực của nhà nước trung ương và tính tự trị của cộng đồng làng xã. Nói là **dung hòa** vì hai tác nhân này vừa chế ước, vừa thỏa hiệp với nhau. Cũng chính vì vậy, nó **trung hòa bớt đi** những đụng độ, gay gắt giữa bộ máy quyền lực và cư dân làng xã là đối tượng của bộ máy ấy. Trong cộng đồng làng xã, mỗi cư dân có thể đồng thời là thành viên của nhiều nhóm xã hội khác nhau theo tuổi tác, theo khoa mục, theo chức tước. Nhưng điều thường được phổ biến là: "**triều đình trọng tước, làng nước trọng xỉ**", tuổi tác là một tiêu chuẩn được chú ý. Cũng tùy từng đặc điểm truyền thống của từng làng mà **trật tự lão quyền, trật tự gia trưởng** hay **trật tự quan liêu** được ưu tiên. Nhưng trong những mối quan hệ chằng chịt ấy, mỗi thành viên nhiều khi giữ những **vai trò** khác nhau và phải đáp ứng những đòi hỏi khác nhau của những nhóm xã hội mà họ tham dự vào.

Một ông quan nhất phẩm, phải xuống ngựa mới được vào cổng làng. Tuổi cao cũng là một thứ bậc được trọng vọng. Chẳng hạn như theo lệ năm Tự Đức thứ 14 thì "Hương lão 70 tuổi trở lên" được ngồi cùng chiếu ở gian tả của đình làng với "võ thất phẩm đội trưởng, văn bát cử phẩm tá tạt, v.v... Lý trưởng, hương chức, cùng dân làng thì ngồi ở gian hữu, lấy tuổi làm thứ tự"<sup>23</sup>. Điều 21 trong hương ước làng Quỳnh Đôi có quy định về lệ hương ẩm: "...Nếu quan viên nào cứ họp riêng một mình, các ông già và người trẻ không được dự vào thời cách ấy là không hợp lệ hương ẩm, các lệ ấy nên thôi, quan viên nên nghĩ lại điều ấy"<sup>24</sup>. ở làng Canh (Ngọc Mạch) huyện Từ Liêm có người cậy mình địa vị cao đã coi thường lệ làng, coi thường hương ước. Về sau, thi đỗ làm quan về làng tổ chức ăn khao mổ bò, mổ lợn tiệc tùng rất lớn nhưng mời làng bị làng tẩy chay không ai thêm đến. Cuối cùng cỗ bàn bị dẹp bỏ. Ông ấy phải bỏ làng ra đi. Lúc ra đi, ông ta ném cây bút xuống cái ao đầu làng mà đặt lời nguyện rằng: "Dân làng này đã coi thường tư văn (tức là cái học của nhà nho. TL) thì từ nay trở đi không còn ai đỗ đạt nữa". Chẳng biết lời nguyện của ông ta có ứng nghiệm hay không, chỉ biết rằng ông ta phải bỏ làng mà đi biệt tích"<sup>25</sup>.

Những mối quan hệ chằng chéo trong cộng đồng làng, một mặt có thể là xiềng xích trói buộc cái cá thể vào trong cộng đồng, song mặt khác, với những vai trò khác nhau mà một cá thể phải ứng xử khiến cho **tính cực quyền của bộ máy thống trị bị chế ước phân nào**. Chánh tổng, lý trưởng, không thể không bị ràng buộc bởi các trật tự gia trưởng, trật tự lão quyền, trật tự quan liêu và các quan viên, chức dịch, lão hạng, dân đình, cũng tùy thuộc vào nhiều tình huống mà lựa chọn cách ứng xử trọng **hạng**, trọng **xỉ** hay trọng **tước**!

Ngoài ra, cần lưu ý đến các hội được tổ chức theo giới tính, theo tuổi tác, theo chức nghiệp làng theo phẩm trật, theo phong tục, theo ý thích v.v... của dân làng: hội tự văn, hội văn phả, hội võ phả, hội đồng quan, hội bát âm, họ hiếu, họ hỷ thậm chí cả những hội chọi chim, hội chọi gà.

Mặc dầu "làng nước trọng xỉ", nhưng trật tự quan liêu vẫn là quan trọng nhất, hạng dân đình không có vai vế vẫn là những người thấp cổ bé họng ở chốn đình trung vẫn là người ề cỏ ra chịu sưu cao, thuế nặng, đi phu, đi lính. Đó là một sự thật. Song cuộc sống trong cộng đồng làng không chỉ có thế. Không thể không thấy rằng, nếu quyền lực của làng là sự kết hợp giữa quyền lực của nhà nước từ bên trên dội xuống và

<sup>23</sup> Đào Duy Anh: Chú thích 11. Tr. 142.

<sup>24</sup> Phan Đại Doãn: Chú thích 9. Tr. 89.

<sup>25</sup> Đình Gia Khánh: *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*. "Hương ước...". NXB Khoa học Xã hội. 1996. Tr. 522.

từ tính tự trị của làng xã thì những quan hệ chông chéo giữa người và người, tức là giữa các thành viên của cộng đồng với nhiều vai trò khác nhau, chính tính tự trị làng xã được thể hiện vào trong các mối quan hệ đa dạng ấy đã pha loãng đi khá nhiều sức mạnh quyền lực áp đặt từ bên trên xuống. Chính thực dân Pháp trước đây đã nhìn thấy điều này để tìm cách đặt ách cai trị của chúng.

Pasquier, Toàn quyền Đông Dương đã lưu ý đến đặc điểm làng xã ấy "... một tổ chức phức tạp như thế, để bảo như thế, một tổ chức mà trong đó không bao giờ thấy có một viên kỳ mục nào hành động đơn độc cả, một tổ chức đã tồn tại theo truyền thống từ rất xa xưa, tổ chức đó chúng ta không nên đụng chạm tới, kéo làm dân chúng bất bình, xú sở rối loạn". Còn trong "La commune ananmite", P.Ory thì nói rõ: "làng của Việt Nam tự quản lý lấy chính nó. Nhà nước không nên can thiệp vào công việc của làng trừ phi làng không thực hiện nghĩa vụ của mình là việc đóng thuế thân, thuế đất, đi phu, đi lính (Challamel - Paris. 1894. P.16)

Bốn nội dung của nghĩa vụ mà làng phải thực hiện với "nhà nước" cũng đã quá nặng nề. "Nhà nước" chỉ cần nắm lấy làng, khôn ngoan khai thác tính "tự quản lý" của làng để áp đặt ách cai trị lên đầu từng người dân quê mà không cần biết đến họ là ai. Bộ máy cai trị ở làng xã, vì thế, chỉ cần gọn nhẹ gồm vài người: chánh tổng, lý trưởng, trương tuần. Nhóm cường hào sách nhiễu trực tiếp đối đầu với dân làng, chúng là "một tầng lớp quý tộc làng xã, những nông dân bị tha hóa trở thành "quan liêu xã thôn" nói chung không phải là địa chủ, từ địa vị của những đại biểu làng xã trở thành kẻ bóc lột, áp bức sâu mọt của nông dân. Chúng là sản phẩm hỗn hợp của chế độ tự trị làng xã với những truyền thống công xã đã bị bóp méo, xuyên tạc<sup>26</sup>.

Cường hào là sự hiện diện của áp bức, sâu mọt hại dân, song chúng không thể không chịu sự chế ước của cộng đồng làng xã mà chúng cũng là thành viên. Chẳng hạn, sự chế ước của *dòng họ*, nhân tố có khả năng dung hòa các quan hệ xã hội khác nhau. Các tổ chức tộc họ, phe giáp, phường hội... với nhiều vai trò ấy phải chọn cách ứng xử trước áp lực của lệ làng, của hương ước, tức là trước những sức mạnh vừa hữu hình vừa vô hình. Bọn cường hào, địa chủ cũng không thoát khỏi những áp lực đó.

***Khi phá vỡ tính tự quản, tự trị của làng xã thì cũng đồng thời xóa bỏ mất tính trung hòa do sự chế ước và dung hợp của những quan hệ cộng đồng tạo nên.***

3. Sẽ có ai đó bắt bẻ rằng, sao lại dẫn dắt từ sự cai trị và ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, bộ máy lý lịch cường hào ở nông thôn xưa kia để nói về cái chuyện hôm nay. Đúng là hơn nửa thế kỷ từ Cách mạng Tháng 8 đến nay, cuộc đấu tranh với biết bao hy sinh không sao kể xiết là để nhằm xóa bỏ ách áp bức, bóc lột, nỗi ô nhục lớn lao đó. Chính mục tiêu cao đẹp đó đã là động lực vĩ đại để cho dân tộc Việt Nam lần lượt đánh bại các kẻ thù lớn mạnh hơn mình gấp bội và đang bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Thành tựu đã đạt được là vô cùng to lớn. Điều đó không ai có thể phủ nhận được. Nhưng, lại có những sự thật mà **"trăm con mắt đều nhìn vào, trăm ngón tay đều chỉ vào"** ... "là nhiều người có chức, có quyền trong hệ thống tổ chức của Đảng Nhà nước, các đoàn thể quần chúng hư hỏng quá, thoái hóa biến chất, chạy theo chức quyền, tiền, danh và lợi, những người ấy đang làm cho một bộ phận không nhỏ trong nhân dân ta ngày càng giảm lòng tin vào Đảng ta, đưa đến tình hình nguy kịch không thể coi thường"<sup>27</sup>.

Nạn "cường hào mới" ở nông thôn là một sự thật cần phải được phân tích một cách thấu đáo từ vấn đề tái sinh làng xã và tâm lý làng xã đã nói ở trên.

<sup>26</sup> Nguyễn Hồng Phong: "Nông thôn Việt Nam trong lịch sử". Tập II. NXB Khoa học Xã hội. 1978. Tr. 476-477

<sup>27</sup> Phạm Văn Đông: "Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam". Báo Nhân dân. 15.5.1999.

Cần phải thấy rằng cũng đã có lúc, với chủ trương hợp tác hóa ở trình độ hợp tác xã bậc cao và xây dựng nền sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa bằng cách thành lập khoảng 500 huyện đồng thời là ngân áy tổng thể công - nông nghiệp. Làng xã tiểu nông đứng trước một thách đố. Nếu việc ấy thành công thì giải thể làng tiểu nông được thực hiện. Nhưng cuộc sống đã chứng minh rằng, làng tiểu nông chưa giải thể được vì sức sống của nó vẫn còn khá mạnh mẽ. Một trong những biểu hiện của sức sống ấy là vai trò của hộ kinh tế gia đình vừa được khẳng định trở lại sau một thời kỳ chỉ còn được hoạt động trong đất 5%. Và từ thực tế đó, càng làm cho người ta hiểu được sức sống của cấu trúc văn hóa xã hội nông thôn còn mạnh mẽ và bền dai hơn điều người ta nghĩ. Sự tồn tại của hộ kinh tế gia đình như là đơn vị sản xuất cơ bản của sản xuất nông nghiệp là cái cốt vật chất của cái cấu trúc văn hóa xã hội nói trên. Vậy thì dù dưới cái tên gọi nào, bất chấp cái nhãn hiệu được dán lên, cuộc sống của nông thôn vẫn chưa thoát khỏi cái không gian lãnh thổ và khung cảnh xã hội của làng tiểu nông, "kết cấu của các yếu tố kinh tế cơ bản của xã hội vẫn không bị những cơn giông tố của lĩnh vực chính trị đầy mây ăy ảnh hưởng tới".

Chỉ có điều, cái làng tiểu nông này đã bị phá vỡ tính tự trị, tự quản. Các thiết chế xã hội được xác lập theo một triết lý mới, một lô gích mới. "Từ những năm 50 đến cuối những năm 80, điều hành và chi phối xã hội là Nhà nước theo cơ chế tập trung, bao cấp. Hoạt động của xã hội dân sự ở nông thôn thu hẹp lại ở mức tối thiểu rất non yếu. Có thể nói lực lượng xã hội dân sự ở nông thôn không tồn tại độc lập, tất cả (kể cả gia đình, thôn, xóm, làng, bản) đều chuyển thành cơ cấu Nhà nước, được "Nhà nước hóa"; hợp tác xã là chủ thể, là một bộ phận của Nhà nước, làng bản thành "đội sản xuất", "tổ sản xuất", *không có một lực lượng xã hội nào được tồn tại có tính tự trị, tự quản, tương đối độc lập*<sup>28</sup>.

Trong dân gian ở miền Bắc vào cuối những năm 70 có cách nói hài hước về chỉ tiêu 5 tấn "là trung ương tấn xuống tỉnh, tỉnh tấn xuống huyện, huyện tấn xuống xã, xã tấn xuống đội và đội tấn xuống xã viên". Cái gọi là "5 tấn" một cách hài hước như vậy thể hiện cấu trúc và chức năng của thiết chế nông thôn, phản ánh một cấu trúc "đứng" nhiều tầng mà không chú ý đến mặt "ngang bằng" - hộ gia đình và các kết cấu làng xã<sup>29</sup>.

Trên thực tế, ban chủ nhiệm hợp tác xã và Đảng ủy chi phối toàn bộ hoạt động ở nông thôn. Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân đóng vai trò phụ và là người thực hiện các quyết định của Ban Chủ nhiệm hợp tác xã và Đảng ủy xã. Đây là một trong những nguyên nhân đến nạn quan liêu, tham nhũng trong bộ máy quản lý hợp tác xã trong chính quyền cấp xã và tổ chức Đảng ở nông thôn<sup>30</sup>.

ở nông thôn còn có các thiết chế xã hội khác nữa như "Mặt trận Tổ quốc", Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ. Trên thực tế các thiết chế gọi là đoàn thể quần chúng này cũng đều được "nhà nước hóa", đều chỉ có một nhiệm vụ là thực hiện các nghị quyết, các mệnh lệnh được phát ra từ Đảng ủy và Ban chủ nhiệm hợp tác xã. Thời đoạn này cũng là thời đoạn mà những tổn thương về đời sống tâm linh trong cuộc sống làng xã lặn vào bên trong đình làng đền chùa, miếu mạo, từ đường, ... cùng với những hội hè lễ nghi tôn giáo, thờ cúng bị đập phá, tàn tạ hoặc hủy bỏ.

Những yếu tố *trung hòa* giữa bộ máy cầm quyền và đối tượng của nó như đã phân tích ở trên cũng đồng thời bị triệt tiêu. Nếu xem xét từ góc độ cơ cấu xã hội nông thôn của thời đoạn này thì thật là đơn giản: chỉ có hai nhóm xã hội đối diện với nhau:

<sup>28</sup> Phan Đại Doãn: "Quản lý xã hội nông thôn nước ta hiện nay...". NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1996. Tr. 217

<sup>29</sup> Phan Đại Doãn: "Quản lý xã hội nông thôn nước ta hiện nay...". NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1996. Tr. 14.

<sup>30</sup> Thang Văn Phúc & Nguyễn Văn Khánh: Sách trên. Tr. 119.

một bên là bộ máy quyền lực bao gồm Ban Chủ nhiệm, Đảng ủy và bên kia là quần chúng xã viên!

Từ *đối diện* đến *đối đầu* là điều không sao tránh khỏi vì những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống luôn luôn tồn tại. Trên lý thuyết và danh nghĩa thì hai nhóm xã hội ấy cùng có chung mục tiêu và chung lợi ích. Nhưng trong thực tế thì không hoàn toàn chỉ có vậy.

Câu ca dao mới vừa chua chát vừa hài hước song cũng đã nói lên sự đối đầu gay gắt giữa hai nhóm xã hội ấy:

"Mỗi người làm việc bằng hai, Để cho chủ nhiệm mua đài mua xe. Mỗi người làm việc bằng ba, Để cho chủ nhiệm xây nhà xây sân".

Vấn đề đặt ra là, sự đối đầu ấy là tiềm tàng nhưng chưa bùng nổ thành những sự kiện xã hội, phải đợi những nhân tố mới làm cho sự kiện ấy xảy ra.

3. Với việc trả lại quyền tự chủ sản xuất và kinh doanh nông nghiệp cho hộ kinh tế gia đình đã làm nảy sinh những nhân tố mới ấy. Đây là sự phục hồi trở lại những mối quan hệ xã hội truyền thống mà một thời bị xóa bỏ nhưng trong thực tế thì nó vẫn chìm sâu hoặc biến dạng trong cuộc sống làng quê, chí ít là trong tâm tưởng của họ. Trước hết là quan hệ thân tộc, mối liên kết dòng họ, một mối liên hệ không bao giờ mất được vì gia đình luôn luôn tồn tại, càng bị dôn nén, bế tỏa thì khi có điều kiện, chúng bật dậy. Cùng với những quan hệ thân tộc được hồi phục và phát triển, một loạt những hội hè, đình đám, nghi lễ tôn giáo của làng quê xưa được hồi sinh và kèm theo chúng là những thiết chế phi quan phương được hình thành.

Một mặt khác quan trọng hơn, với cơ chế thị trường của nền kinh tế nhiều thành phần được vận hành, mặc dầu còn mờ nhạt trong nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn, nhưng cũng đã tạo ra những thiết chế mới có phân độ lập hơn, hoạt động tự do hơn, phần nào vượt ra khỏi sự kiểm soát của bộ máy quyền lực ở làng xã. Điều quan trọng nhất là, *với tính độc lập tương đối của hộ kinh tế gia đình*, thân phận của mỗi cá nhân không đến nỗi bị quá trói buộc trong vòng kiểm soát của Ban chủ nhiệm Hợp tác xã, Đảng ủy, ủy ban như trước đây. Hơn nữa, chính cơ chế thị trường tạo điều kiện cho sự phát huy tiềm năng của những ai lâu nay vốn an phận trong cơ chế bao cấp xin cho. Tính đồng đều của chủ nghĩa bình quân về lợi ích kinh tế bị phá vỡ, sự khác biệt về giàu nghèo dần dần rõ ra trong các nhóm xã hội khác nhau. Trong cái xã hội nông thôn vốn đóng kín và bằng lặng với sự đồng đều của chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ ấy, nhiều người bỗng nhận ra rằng, hóa ra họ có thể sống tốt hơn nếu biết cách làm ăn vượt ra ngoài sự khống chế áp đặt của cơ chế bao cấp, xin cho, cũng có nghĩa là vượt ra khỏi sự kiểm soát và trói buộc của bộ máy quyền lực mà lâu nay họ phải cam chịu.

Họ đồng thời nhìn rõ hơn những tệ nạn tham nhũng, bóp nghẹt dân chủ, tự tung tự tác của lớp "cường hào mới" được dung dưỡng bởi cơ chế bao cấp xin cho. Không phải bây giờ họ mới thấy, nhưng một khi cái dạ dày còn bị buộc chặt vào Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã và Đảng ủy thông qua sổ thóc được chia theo mùa vụ qua công điểm của ngày đi làm theo tiếng keng, thì người ta chỉ có thể ngấm ngấm cam chịu. Ca dao hò vè, chuyện tiểu lâm mới được sử dụng như là món võ cổ truyền quen thuộc mà từ xa xưa ông cha họ đã khéo lưu truyền.

Đây đó cũng có những bột phát, nhưng rồi như một hòn đá ném xuống ao bèo, đôi cánh bèo bị rẽ ra, mặt nước xao động đôi chút, rồi bèo lại phủ đầy như cũ. Xã hội vẫn ổn định, cuộc sống vẫn tiếp tục đi tới, thậm chí không thiếu những trống rong, cờ mở, khẩu hiệu, bằng khen, huân chương. Thế nhưng, những dôn nén vẫn chứa chất "tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn trong toàn xã hội"<sup>31</sup>.

<sup>31</sup> Trần Đức Lương: "Bài nói ở Thái Bình". Báo Nhân dân 2.3.1998.

Thế rồi, cùng với sự cởi mở về đường lối chính sách "*bảo đảm cho nông dân trở thành người tự do sản xuất hàng hóa. Nhà nước rút dần sự can thiệp trực tiếp vào sản xuất của hộ nông dân*" song cũng không buông mặc nông dân tự bươn chải trong cơ chế thị trường<sup>32</sup>, những chủ thể mới đang xuất hiện ở nông thôn. Cơ cấu quyền lực ở làng xã không còn giữ nguyên như cũ được nữa, song phương thức thực hiện quyền lực vẫn không thay đổi trong lúc năng lực quản lý của bộ máy quyền lực ấy thì càng tỏ ra quá yếu kém trước những đòi hỏi của cơ chế mới.

Năng lực thì yếu kém, song cơ hội để tham nhũng thì có nhiều hơn, đa dạng và hấp dẫn hơn chứ không chỉ loanh quanh trong chuyện "rong công, phóng điểm", khai khống sản lượng và tìm cách chuyển thóc của kho hợp tác về nhà mình. Tỷ lệ những cán bộ giữ trọn phẩm chất ngày càng ít đi và số hư hỏng tăng lên. Đặc biệt là khi đất đai chuyển nhượng và đất đai quy hoạch đều trở thành hàng hóa. "Quốc gia công thổ" được quy ra tiền trong cơn sốt đất đai có sức quyến rũ ghê gớm quá. Những ẩn khuất trong việc "đổi đất lấy công trình", bán đất công để lấy tiền gây quỹ cho xã, những vụ đấu thầu xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng đều có thể là những cơ hội béo bở cho tham nhũng. Hơn nữa, mọi công việc diễn ra không sao đâu được con mắt của cộng đồng.

Chỉ cần có một lực lượng khơi động được dư luận của cộng đồng, tổ chức dư luận hướng vào những đối tượng mà "trăm con mắt đều nhìn vào, trăm ngón tay đều chỉ vào" thì bùng nổ sự kiện.

Lực lượng đó đã có. Đó là những cán bộ có trình độ chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và đã từng trải trong các cương vị lãnh đạo khác nhau ở xã, ở huyện, ở tỉnh nay về hưu sống ở làng. Đó là những cựu chiến binh đã từng bôn ba trên các chiến trường, trong hành trang trở về của họ có nhiều điều mới lạ học được từ phương xa. Đó là lớp trẻ có văn hóa song chưa được khai thác, sử dụng sức trẻ và vốn liếng tri thức của họ, đang thừa sinh lực, thừa thời gian nhưng thiếu việc làm. Và đó là những người làm ăn khấm khá nhờ biết thích nghi với cơ chế thị trường, nắm bắt được cơ may mà tổ chức được sản xuất và kinh doanh trở thành nhà doanh nghiệp nhỏ nhưng có mối liên hệ rộng.

Các vụ khiếu kiện tập thể dân dân phát triển. Về cơ bản, nội dung của các khiếu kiện là đúng và chính đáng, song không được giải quyết. Mà sự thực là, không thể giải quyết được tất cả các vấn đề. Người trong cuộc là đối tượng của sự khiếu kiện ấy lại càng không thể giải quyết được, vì giải quyết tốt tức là phủ định chính mình. Khi đã có quyền lực trong tay, quyền lực ấy lại đang để ra sở hữu trong lúc cơn khát tư hữu đang thôi thúc dữ dội từ lối sống đô thị đang tràn vào làng quê, thì sự tự phủ định ấy khó xảy ra. Thế nhưng, từ *đối diện* sang *đối đầu* giữa hai nhóm xã hội không cho phép bung bít và trấn áp, cũng không thể dung hòa và thỏa hiệp trong bối cảnh của sự nghiệp Đổi Mới. Bộ phận chân chính, trong sạch trong bộ máy quyền lực ở làng xã ở trong tâm trạng "tiến thoái lưỡng nan" trước "*cuộc khủng hoảng về chức năng của chính quyền cấp xã*"<sup>33</sup>.

Một mặt, với cơ chế khoán hộ, vai trò của hộ tiểu nông được phục hồi và phát triển, tất yếu kéo theo nó sự tái sinh làng xã với những thiết chế phi quan phương trong cộng đồng văn hóa xã hội làng xã, tái sinh và phát triển tâm lý làng xã. Một khi mà niềm tin vào Đảng bị giảm sút thì các nghi lễ tôn giáo vốn từng là cái giá đỡ của đời sống tâm linh của người nông dân lại phát triển lên. Những hội hè, đình đám, tế lễ dựng dậy những thiết chế phường, giáp, tộc họ, mà những thiết chế này dễ tuột khỏi tầm tay kiểm soát của bộ máy quyền lực ở làng xã.

<sup>32</sup> Nguyễn Công Tạn: "*Nông nghiệp, nông dân...*". Báo Nhân dân 25.8.1998.

<sup>33</sup> Thang Văn Phúc & Nguyễn Văn Khánh: Chú thích 30. Tr. 120.

Mặt khác, cơ chế thị trường lại mở rộng tầm nhìn của làng xã vượt khỏi lũy tre làng quen thuộc.

Ngày trên lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt để nông sản trở thành hàng hóa cũng đã thúc đẩy một cách làm ăn mới. Lác đác đã có những nhà doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nông thôn. Nếp sống tiểu nông bị phá vỡ phần nào khi dưới sức ép của dân số và việc làm, người rời làng đi ra thành phố kiếm công ăn việc làm ngày càng đông. Trong một khảo sát xã hội học năm 1997 về cơ cấu gia đình và vai trò phụ nữ ở đồng bằng sông Hồng, trong mẫu nghiên cứu, 20,1% hộ gia đình mở rộng và 14,9% hộ gia đình hạt nhân có chồng đi làm ăn ở các tỉnh khác. Có đến 16,78% hộ gia đình có chồng thường xuyên đi làm xa với nghề mộc, nghề xây, chỉ có vợ làm nông nghiệp<sup>34</sup>.

Sức hút của đô thị, của công nghiệp ngày càng mạnh. Qua mạng lưới truyền thông đại chúng, qua giao lưu giữa người đi làm ăn xa trở về, những thông tin và lối sống đô thị tác động mạnh đến nông thôn. Đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng của lối sống đô thị, văn hóa đô thị qua phim ảnh, sách báo đã ảnh hưởng rất nhanh đến lối sống thuần phác của làng quê cổ truyền. Nhu cầu đó có tác động kích thích sản xuất và tính năng động xã hội, song đồng thời lại làm băng hoại không ít những thuần phong mỹ tục, nhất là khi nhu cầu không được đáp ứng vì không tương xứng với trình độ vật chất và cả trình độ văn hóa của đối tượng.

Người cán bộ lãnh đạo xã lại chưa được huấn luyện để thích ứng với cơ chế mới.

Sự giằng co giữa sự tái sinh của làng tiểu nông với kinh tế hộ gia đình làm đơn vị cơ bản và kéo theo nó là nền văn hóa làng được chấn hưng và nhu cầu của nền kinh tế thị trường và lối sống đô thị tác động trở lại đã đặt người nắm giữ bộ máy quyền lực để quản lý xã hội lúng túng, bị động và bất cập.

Nông thôn đang đối diện với cuộc khủng hoảng về thiết chế.

V. tóm tắt các vấn đề đã phân tích

Những cảm nhận và phân tích nói trên có thể tóm tắt lại những điểm chính sau đây:

Nếu tính từ Cách mạng Tháng 8 năm 45, nông thôn đồng bằng sông Hồng, cái nôi của dân tộc Việt, nơi diễn ra sự hình thành của văn hóa, văn minh Việt Nam ngay từ buổi ban đầu và hiện nay vẫn là nơi bảo lưu được nhiều giá trị truyền thống hơn cả, hơn nửa thế kỷ qua, nơi đây đã ghi dấu ấn của nhiều biến đổi xã hội.

Với cuộc Cách mạng Xã hội đích thực đầu tiên trong lịch sử cái làng Việt Nam trở dậy, thay đổi số phận của mình. Từ làng quê của mình, người nông dân đồng bằng sông Hồng thực sự là chủ lực quân làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, mở đầu thời kỳ hòa bình xây dựng trong nửa nước.

Cuộc cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, với mục tiêu là người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất, tổ chức lại bộ máy quản lý nông thôn, cùng với những thành tựu về mặt kinh tế, đã để lại những tổn thương về mối quan hệ xã hội và văn hóa làng xã truyền thống. Những thương tổn đó sẽ còn ảnh hưởng kéo dài trong việc tạo nên cái nền tảng của sự đồng thuận xã hội về sau này. Sự đồng thuận được gây dựng từ mối cảm thông, chia sẻ và nuôi dưỡng từ nền văn hóa truyền thống, trong đó tính cộng đồng, tinh thần cởi mở và sự khoan dung đã là những nét tính cách đặc sắc.

---

<sup>34</sup> Vũ Tuấn Huy: "Biến đổi cơ cấu gia đình và vai trò phụ nữ". Tư liệu Viện Xã hội học. Tr. 40 và 70.

Chế độ công điền và chính sách quân điền xưa kia đã là sợi giây buộc chặt người nông dân vào cái làng của mình. Quyền sở hữu ruộng đất là của nhà vua, quyền chiếm hữu là làng xã, song quyền sử dụng lại là người cày. Nay người cày có ruộng, hộ kinh tế tiểu nông có điều kiện để làm ăn, thực hiện được khát vọng lâu đời của mình, song ruộng đất thì lại manh mún.

Quá trình hợp tác hóa nhằm tổ chức lại không gian nông nghiệp là một hướng phải làm. Nhưng chính ở đây lại thấy rõ rằng, *“khi kinh tế gia đình và kinh tế nông thôn chưa vượt quá giới hạn tự nhiên của nó thì nó chưa thể bị phá vỡ để trở thành với cái khác hẳn với chính nó”*. Tính cộng đồng truyền thống làng xã đã khiến cho trong buổi đầu, người nông dân vừa được chia ruộng đã có thể trống rỗng, cò mò đi vào hợp tác xã. Hợp tác xã bậc thấp rồi hợp tác xã bậc cao đã làm cho hộ gia đình tiểu nông không còn đóng vai trò chủ thể sản xuất và cũng do vậy, không là chủ thể xã hội. Hộ gia đình chỉ còn làm chủ mảnh đất 5%.

Thế rồi, quy luật cuộc sống và sức mạnh của nền sản xuất tiểu nông chưa vượt khỏi giới hạn tự nhiên của nó đã phá vỡ chủ nghĩa duy ý chí nóng vội đẩy nhanh quan hệ sản xuất vượt quá cái trình độ của lực lượng sản xuất hiện có. Việc quay trở lại hộ kinh tế tiểu nông với chút ít màu sắc mới đã vực dậy được cả một nền sản xuất nông nghiệp. Như vậy là cái kết cấu kinh tế của xã hội tiểu nông trông lúa nước bị đóng khung trong cơ chế của nhà nước chuyên chế và tổ chức làng họ với hộ gia đình nông nghiệp là đơn vị cơ bản xưa kia dường như có khả năng tái sinh lại trên địa bàn làng xã?

Hoàn toàn không phải là thế. Hộ gia đình tiểu nông thì phục hồi, và kéo theo nó là sự tái sinh làng tiểu nông với tâm lý làng xã và các thiết chế xã hội và văn hóa một thời bị đập phá nay đang gượng dậy, có cái thì bột phát mạnh mẽ. Tuy nhiên, cái nền tảng của nó thì đã bị phá vỡ từ trong quá trình hợp tác hóa:

- Tính tự trị, tự quản của làng xã đã bị mất đi cùng với những thiết chế đa dạng và phong phú của nó vốn tạo thành một cộng đồng đa chức năng, vừa đáp ứng những yêu cầu về sản xuất và những đòi hỏi về cuộc sống tinh thần và những ẩn ức về tâm linh đã bị xóa bỏ. Tính phân tán, cục bộ, đóng kín vốn kìm hãm sự phát triển được hạn chế để thực hiện được sự tập trung, thống nhất, giao lưu.

Thế nhưng, cơ chế tập trung, quan liêu và bao cấp đã nhà nước hóa mọi tổ chức có tính dân sự tự quản, hình thành một kết cấu hai cực gồm hai nhóm xã hội đơn thuần: một bên là nông dân xã viên và đối diện với cái số đông tưởng như im lặng đó là bộ máy quyền lực: Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã, Đảng ủy, ủy ban.

Những yếu tố trung hòa vốn có của làng quê cổ truyền đã không còn nữa, nhưng những tổn thương cũ và những bất bình mới về lợi ích, về lối sống, về cơ hội phát triển đã dần dần đẩy sự đối diện sang đối đầu giữa hai nhóm xã hội đó.

- Cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã hình thành nên những chủ thể mới ở nông thôn. Quyền kiểm soát của nhà nước thu hẹp lại trên một số lĩnh vực và bộ máy quản lý làng xã càng tỏ ra lúng túng bất cập. Cùng với điều đó, thì bên cạnh những cái tốt cơ chế mới tạo ra những khe hở dẫn dắt hành vi tham nhũng vốn có từ lâu, hoặc tiếm ẩn, hoặc trắng trợn, song khối lượng tham nhũng không lớn vì nền sản xuất không có tích lũy của kinh tế tiểu nông không cho phép. Thời kỳ của cải chất vào kho của hợp tác và sự "rong công phóng điểm", tự tung tự tác của Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã và Đảng ủy xã thì nguồn tham nhũng có nhiều hơn. Song, chưa thấm gì so với cái có thể xoay sở trong buổi tranh tối tranh sáng của bước quá độ từ cơ chế cũ sang cơ chế mới của kinh tế thị trường, đặc biệt là khi đất đai trở thành hàng hóa. Không có gì hấp dẫn hơn khi sử dụng quyền lực có trong tay để biến "quốc gia công thổ" thành từng suất đất béo bở để "quy hoạch" và xây dựng quỹ xã, "đổi đất đai lấy công trình" v.v... Thêm vào đó, sản xuất tăng lên, hình thức "nhà nước và nhân dân cùng làm" được mở

rộng trên nhiều công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, ngân sách của làng xã phình lên song chế độ kiểm toán, thu chi lại được thực thi theo kiểu cũ. Đám cường hào mới có điều kiện hoành hành hơn, sự hống hách có thể giảm thiểu, song sự vơ vét thì hăng hái hơn vì đây là sự tích lũy vừa nhanh chóng vừa dễ dàng. Thời gian của các nhiệm kỳ lại thúc bách hành vi tham nhũng.

Quá trình xóa bỏ - xuất hiện diễn ra phức tạp và đầy những nghịch lý.

- Thực trạng xã hội nông thôn đang ẩn chứa một song đề: **vừa tạo ra những điều kiện để tái sinh kinh tế tiểu nông**, tái sinh tâm lý làng xã, phục hồi những thiết chế cổ truyền đã bị lụi tàn hoặc phá bỏ, nhưng đồng thời **lại thúc đẩy sự giải tỏa nên kinh tế tiểu nông bằng việc phát triển nên kinh tế hàng hóa, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn**.

Không phải là hoàn toàn không có cách để giải tỏa cái song đề đó, nhưng hiện nay, quả là chưa định hình được cách giải tỏa đó, "**nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống chưa có giải pháp, chưa có hướng ra**", do vậy mà nông thôn đang "**tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn trong toàn xã hội**".

- Trong khi tính tự trị của làng xã cổ truyền bị phá bỏ, thì cùng với việc phục hồi hộ kinh tế tiểu nông, nhiều thiết chế cũ mang tính chất phi quan phương được phục hồi, vượt ra khỏi tầm kiểm soát của bộ máy Nhà nước cấp làng xã. Cùng với nó, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền được đặt ra song lại không có kế hoạch để hình thành và phát triển một xã hội dân sự là cái gắn liền với nhà nước pháp quyền như hình với bóng. Cũng như vậy, việc đẩy mạnh kinh tế thị trường lại không tương thích với việc mạnh dạn mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội và sự yếu kém trong xây dựng một tinh thần pháp lý hậu thuẫn cho việc mở rộng dân chủ. Phương pháp quản lý cũ kỹ đã tỏ ra quá lạc hậu và bất cập với tình hình, song chưa có thái độ nhìn thẳng vào sự thật, "nói đúng sự thật, nói hết sự thật với tinh thần và ý chí cách mạng tiến công, nghiêm khắc và sắc bén, làm nổi bật cái gì phải giải quyết và giải quyết thế nào cho có hiệu quả thiết thực".

Trong bối cảnh đó, cán bộ quản lý cấp xã đang đứng trước một tình thế "tiến thoái lưỡng nan" và về mặt xã hội nông thôn đang đối diện với một cuộc khủng hoảng về thiết chế.

kết luận

Nông thôn, nông dân, nông nghiệp từ bao đời, vẫn là cái nền của sự phát triển. So với trước cách mạng tháng 8, so với trước Đổi Mới, đời sống của nông dân, đặc biệt là nông dân đồng bằng sông Hồng đã có sự cải thiện rất rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp vẫn là đảm bảo vững chắc cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng vẫn là vựa thóc đảm bảo cho an toàn lương thực và xuất khẩu.

Cho đến giờ đây, nông thôn, nông nghiệp vẫn được xác định là mặt trận hàng đầu, nông dân vẫn là quân chủ lực của sự phát triển sản xuất nông nghiệp, cơ sở của mọi chiến lược xây dựng kinh tế - xã hội. Những vấn đề của nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn luôn luôn là vấn đề mấu chốt trong tư duy về con đường đi lên của đất nước trong bối cảnh mới.

Khi xác định đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, trong đó công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn và nông nghiệp có ý nghĩa thật là đặc biệt thì nông thôn và người nông dân của cái làng Việt Nam truyền thống đang đứng trước những thách thức thật là gay gắt. Sự ổn định của nông thôn là đảm bảo vững chắc cho sự ổn định của đô thị và của đất nước.

Những biến đổi xã hội ở nông thôn vừa chịu ảnh hưởng trực tiếp của đô thị và công nghiệp, vừa có tác động mạnh mẽ đến đô thị và công nghiệp. Đời sống của nông thôn vẫn còn nghèo và nhiều khó khăn. Song, dường như nghèo khổ chưa phải là nguyên nhân của sự mất ổn định xã hội. Những tiềm năng mất ổn định phải được truy tìm ở những nguyên nhân khác. Bài viết trên đây là một cố gắng theo hướng đó.

Từ tiểu nông bước vào hiện đại, cái làng Việt Nam ở đồng bằng sông Hồng đang đối diện với quá nhiều thử thách. Không những thế, vì đã tụt hậu quá xa, Việt Nam phải bứt nhanh lên hiện đại, thậm chí phải đón đầu những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại mới nhất. Khó khăn chồng chất khó khăn. Vấn đề đặt ra là tìm con đường hợp lý nhanh nhất để có thể đến hiện đại từ truyền thống. Những biến đổi xã hội ở nông thôn thời gian qua đã gợi lên những bài học cho sự tìm tòi ấy.

7.1999

## Tài Liệu Dẫn

1. Lê Bá Thảo: *"Việt Nam. Lãnh thổ và các vùng địa lý"*. Nhà xuất bản Thế giới. 1998.
2. Nguyễn Từ Chi: *"Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người"*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin. Hà Nội. 1996.
3. Các Mác: *"C.Mác & Ph.Engghen toàn tập"*. Tập 23. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1993.
4. Francois Houtart & Genevieve Lemercinier.: *"Hải Vân. Một xã ở Việt Nam. Đóng góp của Xã hội học vào việc nghiên cứu những sự quá độ"*. Trung tâm Nghiên cứu Xã hội - Tôn giáo. Đại học Louvain xuất bản năm 1981". Bản dịch của Viện Xã hội học
5. Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ phát triển vùng lãnh thổ - đồng bằng sông Hồng: *"Tư liệu vùng đồng bằng sông Hồng"*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. 1998.
6. Phạm Văn Đồng: *"Văn hóa và Đổi Mới"*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1994.
7. Đinh Gia Khánh: *"Các vùng văn hóa Việt Nam"*. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội. 1995.
8. Phan Đại Doãn: *"Làng Việt Nam. Một số vấn đề văn hóa xã hội"*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội & Nhà xuất bản Mũi Cà Mau-1992.
9. Đào Duy Anh: *"Việt Nam Văn hóa sử cương"*. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh. 1992.
10. Hồ Chí Minh: *"Hồ Chí Minh toàn tập"*. Tập 1 & Tập 4. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1995
11. Léopold Cadière: *"Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt"*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin. 1997.
12. *Các Mác Toàn tập*. Tập 13. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1993.
13. Nguyễn Hồng Phong: *"Nông thôn Việt Nam trong lịch sử"*. Tập II. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. 1978.

14. Phạm Văn Đồng: *"Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam"*. Báo Nhân dân. 15.5.1999.
15. Phan Đại Doãn: *"Quản lý xã hội nông thôn nước ta hiện nay..."*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 1996.
16. Trần Đức Lương: *"Bài nói ở Thái Bình"*. Báo Nhân dân 2.3.1998.
17. Nguyễn Công Tạn: *"Nông nghiệp, nông dân..."*. Báo Nhân dân 25.8.1998.
18. Vũ Tuấn Huy: *"Biến đổi cơ cấu gia đình và vai trò phụ nữ"*. Tư liệu Viện Xã hội học